

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06/2/2018

“V/v Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Nguyễn Thị Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 433/2017/TLST - HNGĐ ngày 23/11/2017 về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Quang H, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ M, khu MA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ M, khu MA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Số M/B, đường H, phường L, quận L, thành phố Hà Nội – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2017, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quang H đều trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng A kết hôn vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về sống tại tổ M, khu MA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, cuộc sống chung thời gian đầu cũng không hạnh phúc vì tính cách vợ chồng không hợp nhau, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, hay cãi vã dẫn đến xô xát với nhau. Không khí gia đình luôn luôn căng thẳng, chị A là vợ nhưng không có trách nhiệm với các con, một mình anh vừa phải chăm sóc cho các con vừa phải lo kinh tế trong gia đình nên rất mệt mỏi, anh đã cố gắng nói chuyện với chị A nhiều lần để hai vợ chồng cùng nhìn nhận lại bản thân, tìm biện pháp khắc phục nhưng chị A không thiện chí. Mâu thuẫn vợ chồng từ đó ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm dành cho chị A mất dần, anh không muốn nói chuyện và gặp mặt chị A nữa. Từ năm 2010 vợ chồng anh đã sống ly thân nhau,

thời gian đầu sống cùng nhà nhưng không quan tâm đến nhau, không gần gũi tình cảm, không chia sẻ mà việc của ai người đó làm, đến năm 2014 chị A đi nơi khác ở còn anh sống cùng hai con cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng anh có vài lần gặp gỡ, nói chuyện để tìm biện pháp khắc phục nhưng không đạt kết quả. Gia đình và tổ dân khu phố có hòa giải cho vợ chồng anh nhiều lần nhưng tình trạng không cải thiện được, đến nay mâu thuẫn vợ chồng anh đã rất trầm trọng, tình cảm dành cho chị A không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng A để ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi dạy các con.

+ Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng A có 02 con chung là: Ngô Triệu V – Sinh ngày xx/x/xxxx và Ngô Phú P – Sinh ngày xx/xx/xxxx. Từ khi vợ chồng sống ly thân các con chung ở với anh, điều kiện sinh hoạt học tập cho các con anh vẫn đảm bảo tốt, các con chung đều có nguyện vọng ở cùng với anh nên khi ly hôn anh không đồng ý để chị A nuôi dưỡng một con chung là Ngô Phú P như tại phiên tòa chị A đã trình bày. Anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) để đảm bảo sự phát triển ổn định cho các con. Hiện nay anh làm nghề lao động tự do, thu nhập bình quân một tháng là 10 triệu đồng, đủ đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng cho con. Khi anh nuôi dưỡng con chung thì chị A được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống kinh tế khó khăn nên vợ chồng anh không mua sắm được tài sản gì chung; Công nợ chung cũng không có.

* Tại lời tự khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng A đều trình bày: Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng chị đúng như anh H đã trình bày ở trên, tuy nhiên anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 chứ không phải như anh H đã khai, nguyên nhân là do trong quá trình phát triển kinh tế trong gia đình chị phát hiện anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi biết chuyện chị có khuyên giải để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh H luôn tỏ thái độ không muốn chung sống với chị nên chị thấy chán nản, không còn tin tưởng vào tình cảm của anh H như trước. Bản thân chị cũng nhận thấy có một phần lỗi trong việc phát sinh mâu thuẫn vì nhiều lúc do công việc bận rộn đã không quan tâm, gần gũi đến chồng nên anh H kiếm có đó để có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không kim chế được anh H còn đánh chị. Không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng, mệt mỏi, đến cuối năm 2014 do mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, khi gia đình nhà chồng đuổi chị ra khỏi nhà anh H biết chuyện cũng không tìm biện pháp khắc phục nên chị thấy chán nản, anh chị chính thức sống ly thân từ đó mỗi người ở một nơi. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng chị có gặp nhau nhưng chỉ hỏi thăm về con chứ không tìm biện pháp khắc phục hàn gắn. Mâu thuẫn vợ chồng chị chỉ được gia đình nhà ngoại hòa giải nhưng anh H không thiện chí để về đoàn tụ, đến nay chị không còn tình cảm dành cho anh H nhưng vì thương các con, mong muốn các con được sống có đầy đủ cả bố và mẹ bên cạnh nên anh H xin ly hôn chị không đồng ý.

+ Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung đúng như anh H đã trình

bày ở trên. Tại phiên tòa chị thay đổi quan điểm, nếu vợ chồng phải ly hôn chị muốn mỗi người nuôi một con chung, anh H nuôi dưỡng con gái lớn là Ngô Triệu V, chị nuôi dưỡng con trai là Ngô Phú P, tuy nhiên đến phần tranh luận chị thống nhất quan điểm của anh H nếu vợ chồng phải ly hôn thì tôn trọng nguyện vọng của các con, chị đồng ý để các con được ở cùng nhau và anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến tuổi thành niên, chị không phải cấp dưỡng cho các con chung và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: Không có đúng như anh H đã khai ở trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Ngô Quang H và chị Nguyễn Thị Hồng A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C vào năm 2004 là cuộc hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân và thời gian phát sinh mâu thuẫn anh H và chị A trình bày là khác nhau nhưng có căn cứ để xác định giữa anh H và chị A đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng: Anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất nên hay cãi vã, xô xát, vợ chồng không tôn trọng yêu thương nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng nên từ năm 2010 đến năm 2014 anh chị vẫn ở cùng một nhà nhưng không quan tâm đến nhau, từ năm 2014 anh chị chính thức sống ly thân nhau cho đến nay. Chị A thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, luôn tỏ thái độ không muốn chung sống với chị nên chị thấy chán nản và không còn tin tưởng vào tình cảm của anh H, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay mỗi người ở một nơi không gặp gỡ nhau để bàn bạc tìm biện pháp khắc phục để về đoàn tụ, bản thân chị cũng thừa nhận không còn tình cảm dành cho anh H nhưng vì thương con nên muốn về đoàn tụ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị A không đồng ý ly hôn với anh H nhưng cũng không tìm được biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, bản thân chị A cho rằng anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng không đưa ra chứng cứ nào khác.

Lời khai của anh H về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cũng phù hợp với: Kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú và lời khai các con chung của anh H – chị A đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị hay cãi vã, không quan tâm đến nhau, các con chung đã phải can ngăn cho bố mẹ không to tiếng với nhau, không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, từ năm 2014 đến nay anh H – chị A đã không ở cùng với nhau, gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng cả hai anh chị không khắc phục được mâu thuẫn.

Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị A, đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị A, không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ gia đình của chị A.

[2] Về con chung: Anh Ngô Quang H và chị Nguyễn Thị Hồng A có 02 con chung là: Ngô Triệu V – Sinh ngày xx/x/xxxx và Ngô Phú P – Sinh ngày xx/xx/xxxx. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, tại phần tranh luận chị A cũng đồng ý với quan điểm này và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung của anh chị đều mong muốn được ở cùng với bố vì khi bố mẹ không ở cùng với với nhau chỉ có bố là người quan tâm đến hai chị em và mong muốn cả hai chị em được ở cùng nhau.

Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử giao hai con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Chị A không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Anh Ngô Quang H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh H và chị A có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Ngô Quang H và chị Nguyễn Thị Hồng A.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là: Ngô Triệu V – Sinh ngày xx/x/xxxx và Ngô Phú P – Sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Ngô Quang H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Hồng A không phải cấp dưỡng cho con chung, chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Ngô Quang H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp ngày xx/xx/xxxx theo biên lai số: 000xxxx tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quynh

